

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2790/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông
đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;

Căn cứ Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước; Nghị định số 19/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 tháng 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 139/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch

quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải Quy định các yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi;

Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa; Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 46/VBHN-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải về Thông tư quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về việc giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong vùng nước cảng biển;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5056/TTr-SXD ngày 01 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Bãi bỏ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 3695/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và không tiếp tục áp dụng Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2790/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định trách nhiệm, phương thức phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Quy chế này quy định việc phối hợp quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, bao gồm cả cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động phương tiện, tàu thuyền tại cảng, bến thủy nội địa, bến khách ngang sông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (chủ cảng/bến hoặc đơn vị, cá nhân được giao khai thác cảng/bến, chủ phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, thể thao vui chơi, giải trí dưới nước)

Điều 3. Mục đích của Quy chế

1. Nhằm thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Bảo đảm trật tự, an toàn, an ninh và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải, khai thác cảng, bến và dịch vụ đường thủy, góp phần phát triển giao thông vận tải thủy nội địa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bến thủy nội địa là công trình độc lập có quy mô nhỏ, gồm vùng đất và vùng nước trước bến để phương tiện neo đậu, xếp dỡ hàng hoá, đón trả hành khách và thực hiện dịch vụ hỗ trợ khác. Bến thủy nội địa gồm bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông, bến chuyên dùng.

2. Bến khách ngang sông là bến thủy nội địa chuyên phục vụ vận tải hành khách, hàng hóa từ bờ bên này sang bờ bên kia sông, kênh, rạch, hồ, đầm phá. Một vị trí bến ở mỗi phía bờ là một bến khách ngang sông.

3. Chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu là tổ chức, cá nhân sở hữu công trình cảng, bến thủy nội địa, phao neo, trụ neo và được giao sử dụng vùng đất, vùng nước của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

4. Người quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu là chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trực tiếp khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu hoặc tổ chức, cá nhân thuê cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu để khai thác hoặc tổ chức, cá nhân được ủy quyền quản lý khai thác cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.

5. Đơn vị kinh doanh vận tải thủy nội địa là doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia kinh doanh vận tải bằng phương tiện thủy nội địa.

6. Chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện.

7. Thuyền viên là người làm việc theo chức danh quy định trên phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần trên 15 tấn hoặc phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 mã lực hoặc phương tiện có sức chở trên 12 người.

8. Người lái phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện không

có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 mã lực hoặc phương tiện có sức chở đến 12 người hoặc bè.

9. Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.

10. Bè là phương tiện được kết ghép lại bằng tre, nứa, gỗ hoặc các vật nổi khác để chuyển đi hoặc dùng làm phương tiện vận chuyển tạm thời trên đường thủy nội địa.

11. Khách sạn nổi là phương tiện thủy nội địa chở khách lưu trú du lịch có buồng ngủ, có đăng ký kinh doanh khách sạn, được neo tại một địa điểm trên đường thủy nội địa và có thể di chuyển từ địa điểm neo này tới địa điểm neo khác khi cần thiết.

12. Nhà hàng nổi là phương tiện thủy nội địa chở khách, có đăng ký kinh doanh nhà hàng nổi phục vụ ăn uống trên phương tiện mà không bố trí các buồng ngủ lưu trú trên phương tiện.

13. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là tàu, thuyền hoặc cấu trúc nổi khác được dùng để phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước có sức chở không quá 05 người (sau đây viết tắt là phương tiện) và hoạt động trong vùng hoạt động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

14. Vùng hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước là vùng nước mà phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước được phép hoạt động trong phạm vi ranh giới an toàn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, không chồng chéo; kịp thời kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với các hành vi vi phạm; không được làm ảnh hưởng đến công tác bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định và hoạt động bình thường của mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Việc phối hợp phải tạo điều kiện thuận lợi, không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa bình thường, đúng pháp luật của các tổ chức, cá nhân.

3. Những vụ việc phức tạp, những vấn đề chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình phối hợp phải được trao đổi, thống nhất theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật;

Trường hợp vụ việc xảy ra trên đường thủy nội địa có liên quan đến thẩm quyền của nhiều cơ quan, đơn vị thì cơ quan phát hiện đầu tiên có trách nhiệm chủ trì phối hợp ban đầu, bảo đảm kịp thời, đúng quy định; việc xử lý tiếp theo thực hiện theo đúng thẩm quyền của từng cơ quan theo quy định pháp luật. Đối với các vấn đề vượt thẩm quyền hoặc chưa thống nhất, cơ quan chủ trì tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Phương thức phối hợp

1. Công tác phối hợp thường xuyên: Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cử cán bộ, phòng ban làm đầu mối liên lạc trong công tác phối hợp thường xuyên, gồm: Trao đổi thông tin, tài liệu, số liệu, tổ chức cuộc họp, tổ chức khảo sát, điều tra phối hợp theo dõi, giám sát hoặc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể khác có liên quan đến hoạt động giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh do Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị phân công. Đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền cán bộ, phòng ban làm đầu mối liên lạc phải báo cáo với lãnh đạo cơ quan, đơn vị để được chỉ đạo thực hiện. Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì theo dõi việc tổ chức phối hợp.

2. Công tác phối hợp đột xuất: Khi cần thiết, cơ quan có thẩm quyền thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra theo các chuyên đề đã xây dựng hoặc theo yêu cầu thực tế của địa phương và giao cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành chủ trì làm Trưởng đoàn và các thành viên là cơ quan phối hợp. Các thành viên Đoàn liên ngành chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra theo lĩnh vực cơ quan mình có chức năng, nhiệm vụ quản lý.

3. Xử lý vi phạm khi kiểm tra liên ngành: Trong quá trình kiểm tra, các hành vi vi phạm do bất kỳ thành viên nào trong Đoàn kiểm tra phát hiện đều có

giá trị như nhau, giao cho Trưởng Đoàn kiểm tra hoặc thành viên có thẩm quyền trong Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật;

Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm vượt thẩm quyền hoặc chưa có sự thống nhất xử lý của các thành viên trong Đoàn thì Trưởng Đoàn kiểm tra liên ngành hoặc thành viên tham gia Đoàn kiểm tra có trách nhiệm phải báo cáo ngay cho các cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.

4. Khi phát hiện vi phạm hoặc tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến vi phạm giao thông đường thủy nội địa, cơ quan, đơn vị phát hiện, tiếp nhận vụ việc tiến hành xử lý theo chức năng, thẩm quyền. Nếu xét thấy vi phạm đó thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị khác thì thông báo cho cơ quan, đơn vị đó kiểm tra, xử lý hoặc tham mưu Sở Xây dựng thành lập đoàn kiểm tra liên ngành xác minh thông tin để xử lý kịp thời.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC PHỐI HỢP

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì

1. Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch phối hợp quản lý và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất theo lĩnh vực chuyên ngành phụ trách; trong đó xác định cụ thể nội dung, đối tượng, thời gian, địa điểm và trách nhiệm phối hợp kiểm tra của từng cơ quan, bảo đảm không bỏ trống hoặc trùng lặp, chồng chéo; gửi thông báo đầy đủ kế hoạch kiểm tra cho các cơ quan phối hợp, đối tượng được kiểm tra và báo cáo cấp trên trực tiếp chỉ đạo.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì ban hành hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập tổ chức phối hợp kiểm tra (Đoàn kiểm tra liên ngành); tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp, đôn đốc việc thực hiện các nội dung phối hợp đã được phân công cho các cơ quan liên quan; đồng thời, thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình công việc của cán bộ được cử tham gia.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện bảo đảm khác cho công tác phối hợp.

5. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất biện pháp xử lý cho Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu trách nhiệm về tiến độ công tác kiểm tra và tính chính xác của các báo cáo.

6. Hàng năm, Sở Xây dựng chủ trì tổ chức đánh giá, tổng kết công tác phối hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp

1. Tham gia các hoạt động phối hợp khi có yêu cầu; được phép từ chối tham gia nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan phối hợp.

2. Cử cán bộ tham gia đúng thành phần, đúng thẩm quyền và đáp ứng yêu cầu công tác phối hợp; đồng thời tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ theo phân công.

3. Cung cấp thông tin, góp ý kiến chuyên ngành quản lý và chịu trách nhiệm theo chức năng quản lý; nội dung thông tin phải đảm bảo chính xác, đầy đủ và kịp thời.

4. Tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về tính nhất quán, chất lượng của các ý kiến trong hoạt động phối hợp của cơ quan mình.

5. Được quyền yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công tác phối hợp.

Điều 9. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ cảng, bến thủy nội địa và đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa

1. Chủ cảng, bến thủy nội địa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 2

Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa; tại Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chủ cảng, bến có trách nhiệm định kỳ hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt bến, Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình hoạt động, công tác bảo đảm an toàn và phòng, chống sự cố môi trường.

Điều 10. Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện

1. Chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, pháp luật về hàng hải; các quy định của Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; tại Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thuyền viên, người lái phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; tại Điều 5 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ

Điều 11. Công bố luồng, hành lang bảo vệ đường thủy nội địa và quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, điều chỉnh hoặc hủy bỏ việc công bố luồng đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ đường thủy nội địa trong phạm vi nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 và khoản 7 Điều 64 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do địa phương quản lý; chủ trì xác định, cắm mốc và quản lý hành lang bảo vệ đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, công trình kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 12. Hoạt động của bến khách ngang sông và hoạt động của phương tiện thủy tại bến khách ngang sông

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức quản lý, khai thác bến khách ngang sông và kiểm tra, quản lý hoạt động của phương tiện vận tải hành khách ngang sông trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; tại khoản 5, Điều 27 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP

ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

b) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết, cứu nạn, cứu hộ các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy (nếu có) đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ theo thẩm quyền thuộc địa bàn quản lý.

2. Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa), Công an tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 13. Hoạt động của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

1. Về thủ tục hành chính tại cảng, bến (Cấp Giấy phép vào/rời cảng, bến đối với phương tiện)

1.1. Nguyên tắc giải quyết thủ tục cấp phép vào/rời cảng, bến đối với phương tiện:

a) Việc cấp phép vào/rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện phải thực hiện theo quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 54 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa (Nghị định số 08/2021/NĐ-CP) và phù hợp với quy định của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) về trình tự thực hiện thủ tục cấp phép vào/rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện (Thời hạn giải quyết hồ sơ 30 phút kể từ khi nhận đủ hồ sơ).

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp phép vào/rời cảng, bến đối với phương tiện:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tại cảng, bến thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của các cấp có thẩm quyền công bố; công

khai quy trình thủ tục; cập nhật, quản lý dữ liệu phương tiện, thuyền viên thường xuyên vào/rời cảng, bến để tránh chồng chéo kiểm tra.

1.2. Quy trình phối hợp cụ thể giải quyết thủ tục cấp phép vào/rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện:

a) Địa điểm thực hiện thủ tục:

- Các cơ quan, đơn vị: Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa, Bộ đội Biên phòng, đơn vị quản lý cảng/bến phối hợp thống nhất thực hiện các thủ tục cấp phép vào/rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện tại một địa điểm theo nguyên tắc một cửa.

- Đơn vị quản lý cảng/bến bố trí phòng làm việc thuận tiện để các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ công tác thủ tục cấp phép vào/rời cảng, bến đối với phương tiện tại cảng, bến.

b) Quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

- Tiếp nhận thông báo và hồ sơ:

+ Chủ phương tiện nộp hồ sơ, thông báo phương tiện vào/rời cảng, bến cho Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa. Hồ sơ gồm các giấy tờ theo quy định tại Điều 52, Điều 53 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP.

+ Đơn vị quản lý cảng/bến bố trí nơi tiếp nhận, hướng dẫn chủ phương tiện.

- Kiểm tra hồ sơ: Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ; thu phí/lệ phí nhà nước theo quy định. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa thông báo ngay để chủ phương tiện bổ sung.

- Thu tiền dịch vụ/giá vé: Đơn vị quản lý cảng/bến (Chủ cảng/bến) tự tổ chức việc bán vé/thu tiền dịch vụ hành khách, hàng hóa theo mức giá đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; niêm yết công khai tại cảng/bến; phát hành vé/hóa đơn đúng quy định; tự chịu trách nhiệm và tự giám sát hoạt động thu.

c) Quy trình kiểm tra thực tế phương tiện:

- Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa: Kiểm tra phương tiện trên cơ sở các loại giấy tờ, chứng chỉ có thời hạn như: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bằng hoặc Giấy chứng

nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên... Nếu phát hiện vi phạm, Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa thông báo, xử lý và hướng dẫn người làm thủ tục có biện pháp khắc phục, thay đổi bảo đảm đúng quy định; Kiểm tra các điều kiện an toàn, bảo vệ môi trường, bảo đảm việc xếp dỡ hàng hóa, đón trả khách đúng vị trí.

- Bộ đội Biên phòng: Kiểm tra, kiểm soát người, hành lý, hàng hóa, phương tiện theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Chủ cảng/bến: Không xếp hàng hóa vượt quá kích thước hoặc quá vạch dầu mớn nước an toàn của phương tiện hoặc xếp ô tô quá số lượng, vượt quá trọng tải xuống phương tiện; không xếp hành khách quá số lượng theo quy định xuống phương tiện.

d) Quy trình xác nhận phương tiện vào/rời cảng, bến:

- Xác nhận và cấp phép vào/rời cảng, bến: Sau khi hoàn tất kiểm tra, Bộ đội Biên phòng xác nhận ghi sổ nhật ký hành trình; Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy phép vào/rời cảng, bến đối với phương tiện; ghi nhận vào hệ thống theo dõi; Chủ cảng/bến thực hiện các điều kiện để phương tiện vào/rời cảng, bến an toàn.

- Giám sát quá trình vào/rời cảng, bến: Chủ cảng/bến phối hợp với Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa và Bộ đội Biên phòng giám sát quá trình vào/rời cảng, bến của phương tiện. Nếu phát hiện vi phạm, Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa hoặc Bộ đội Biên phòng lập biên bản xử lý theo thẩm quyền.

2. Quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

2.1. Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, quản lý hoạt động quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

thuộc thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan trên phạm vi địa bàn được giao quản lý.

2.2. Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 14. Hoạt động của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và hoạt động của phương tiện thủy trong vùng nước cảng biển

1. Cảng vụ Hàng hải có trách nhiệm:

a) Giám sát thực hiện xây dựng công trình khác trong vùng nước cảng biển; Kiểm tra, giám sát phương tiện thủy và các nội dung cần thiết khác trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển theo quy định tại khoản 6, Điều 7 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển theo quy định tại khoản 3, Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt về quản lý hoạt động hàng hải.

2. Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đảm bảo an ninh, trật tự; kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, hàng hóa ra, vào và hoạt động trong khu vực biên giới biển, cửa khẩu cảng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14; Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017

của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan phối hợp:

- Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa), Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Chi cục Đăng kiểm số 5;

- Cảng vụ Hàng hải phối hợp trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt về quản lý hoạt động hàng hải;

- Các cơ quan, đơn vị liên quan khác khi cần thiết.

Điều 15. Hoạt động của phương tiện phục vụ thể thao, vui chơi, giải trí dưới nước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hoạt động phương tiện phục vụ thể thao, vui chơi, giải trí dưới nước chủ trì quản lý trực tiếp; tiếp nhận và giải quyết thủ tục theo thẩm quyền; tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên; xử lý vi phạm và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tổ chức, cá nhân đưa các loại hình dịch vụ như nhà hàng nổi, khách sạn nổi, bè nổi, ca nô, mô tô nước, thiết bị thể thao dưới nước chưa được cấp phép, đăng ký, đăng kiểm mà đưa vào hoạt động trên địa bàn quản lý.

2. Các Sở, ngành cấp tỉnh theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể như sau:

- Sở Xây dựng tham mưu quản lý nhà nước về an toàn kỹ thuật, đăng ký, đăng kiểm, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; phối hợp kiểm tra theo quy định.

- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh tham mưu, phối hợp

bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tính mạng du khách; Công an tỉnh chủ trì điều tra, xử lý tai nạn theo quy định của pháp luật.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, phối hợp quản lý hoạt động dịch vụ du lịch gắn với phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa), Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị liên quan khác khi cần thiết.

Điều 16. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên đường thủy nội địa

1. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tuân tra, kiểm soát và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đối với người và phương tiện tham gia giao thông đường thủy nội địa theo thẩm quyền; tổ chức lực lượng Cảnh sát giao thông đường thủy thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý tai nạn giao thông đường thủy nội địa; thực hiện thống kê, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tai nạn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở thực hiện kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa trong lĩnh vực được phân cấp, bao gồm: hoạt động vận tải đường thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện; phương tiện tham gia thi công công trình trên đường thủy nội địa.

3. Bộ đội Biên phòng tỉnh, trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trên các tuyến, địa bàn ven biển, khu vực cửa biển, cửa sông và vùng nước có yếu tố biên giới theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan phối hợp: Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác tùy theo tính chất, yêu cầu nhiệm vụ.

Điều 17. Quản lý về an ninh trật tự, an toàn xã hội

1. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự và an toàn xã hội trong hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa; thực hiện quản lý việc đăng ký, khai báo lưu trú đối với khách du lịch trên phương tiện thủy; quản lý người nước ngoài cư trú, làm việc, hoạt động trong lĩnh vực giao thông, vận tải đường thủy nội địa theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quản lý, bảo vệ an ninh trật tự, kiểm soát xuất nhập cảnh, kiểm tra, giám sát biên phòng, cấp thị thực và các loại giấy phép tại cửa khẩu cảng; đăng ký, kiểm soát đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng theo quy định tại Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Trong khu vực biên giới biển, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các lực lượng chức năng, quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển theo quy định tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý về an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn liên quan đến hoạt động của phương tiện thủy theo quy định.

4. Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa), Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 18. Công tác phòng cháy, chữa cháy

1. Công an tỉnh:

a) Chủ trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy tại các cảng, bến và trên phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách, hàng hóa nguy hiểm theo quy định.

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với các phương tiện thủy tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh, phối hợp với cơ quan đăng kiểm trong công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện có yêu cầu đặc biệt về phòng cháy và chữa cháy khi đóng mới hoặc hoán cải để phục vụ việc cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

c) Lập hồ sơ quản lý, theo dõi về công tác phòng cháy, chữa cháy đối với các phương tiện, đặc biệt là các phương tiện vận chuyển khách, hàng hóa, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi yêu cầu phải có Giấy chứng nhận phòng cháy chữa cháy theo quy định.

d) Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ, hướng dẫn thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy cho chủ phương tiện, thuyền viên, người điều khiển phương tiện làm việc trên các phương tiện thủy nội địa.

e) Hướng dẫn các chủ cảng, bến: xây dựng các quy định, quy trình thực hiện phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xếp dỡ hàng hóa có nguy cơ gây cháy nổ và quy định, quy trình về phòng cháy, chữa cháy khi xảy ra cháy, nổ trong khu vực cảng, bến; xây dựng cơ chế phối hợp giữa chủ phương tiện và chủ cảng, bến hoặc cá nhân, đơn vị được giao quản lý, khai thác cảng, bến trong xử lý các tình huống cháy, nổ; các điều kiện về cứu nạn, cứu hộ, vận chuyển hàng có nguy cơ gây cháy, nổ.

2. Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa), Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Cảng vụ Hàng hải, Chi cục Đăng kiểm số 5 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 19. Công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

1. Đề nghị Chi cục Đăng kiểm số 5 thực hiện công tác quản lý, theo dõi điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy theo quy định của pháp luật có liên quan, trọng tâm là các phương tiện chở khách, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm. Định kỳ 06 tháng cung cấp thông tin cho Sở Xây dựng về các phương tiện thủy nội địa trên địa bàn tỉnh đã hết hạn đăng kiểm, hết niên hạn sử dụng thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ trì hoặc phối hợp cấp Giấy phép môi trường (nếu thuộc thẩm quyền) và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong giấy phép môi trường; Quản lý, theo dõi điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước;

b) Chủ trì tổ chức cấp giấy phép môi trường (nếu thuộc thẩm quyền) cho các hoạt động, phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp: Sở Xây dựng (Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa), Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

Điều 20. Công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ huy tỉnh) là cơ quan đầu mối, thống nhất chỉ đạo, điều phối, huy động lực lượng, phương tiện, vật tư kỹ thuật để tổ chức công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ (TKCN-CH) trong phạm vi toàn tỉnh; đồng thời chỉ huy hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố theo quy định.

2. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự tỉnh (đặt tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh) là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp thông tin, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành TKCN-CH; duy trì trực ban 24/24h, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Cơ quan thường trực chuyên ngành của Ban Chỉ huy tỉnh:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chỉ huy về công tác phòng, chống thiên tai; sử dụng bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Chi cục Thủy lợi để tham mưu, giúp việc cho sở tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và được cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Thường trực công tác cứu hộ, cứu nạn trên đất liền và phòng thủ dân sự.

- Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Thường trực công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển, khu vực biên giới biển, cửa khẩu cảng, theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 và các văn bản liên quan.

- Công an tỉnh: Chủ trì xử lý tai nạn giao thông đường thủy nội địa; phối hợp thực hiện công tác TKCN-CH theo Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về quy định tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa.

- Cảng vụ Hàng hải Nha Trang: Chủ trì, phối hợp thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển theo khoản 3 Điều 6 Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển; phối hợp điều tra, xử lý tai nạn hàng hải trong phạm vi thẩm quyền.

- Cảng vụ Đường thủy nội địa tỉnh Khánh Hòa: Chủ trì phối hợp công tác TKCN-CH trong cảng, bến thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo Điều 6 Quyết định số 51/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về quy định tổ chức tìm kiếm, cứu nạn giao thông đường thủy nội địa; phối hợp với lực lượng Công an, Biên phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ cảng/bến khi tổ chức tìm kiếm, cứu người, phương tiện và hàng hóa bị nạn.

4. Khi xảy ra tai nạn, sự cố, thiên tai trên đường thủy nội địa, khu neo đậu, vùng nước cảng, bến, các đơn vị, địa phương có trách nhiệm:

- Báo cáo ngay cho Ban Chỉ huy tỉnh (qua Văn phòng thường trực) để tổng hợp, chỉ đạo điều phối lực lượng;

- Chủ động huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ thực hiện phương châm “bốn tại chỗ”: Chỉ huy tại chỗ - lực lượng tại chỗ - phương tiện tại chỗ - hậu cần tại chỗ;

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về kết quả

TKCN-CH gửi Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy tỉnh, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân tỉnh và các cơ quan liên quan.

5. Trong trường hợp vượt quá khả năng hoặc phạm vi thẩm quyền của địa phương, cơ quan, đơn vị. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải báo cáo ngay Trưởng Ban Chỉ huy tỉnh (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) để chỉ đạo huy động, đề nghị hỗ trợ từ Trung ương và các lực lượng chuyên ngành.

6. Ban Chỉ huy tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh trong công tác tuyên truyền, huấn luyện, diễn tập, rút kinh nghiệm, tổng kết công tác TKCN-CH hằng năm.

Điều 21. Công tác tuyên truyền

1. Ban an toàn giao thông tỉnh chủ trì, phối hợp các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải và đường thủy nội địa; về phòng cháy, chữa cháy; về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; về vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải, đường thủy nội địa; về phòng cháy, chữa cháy; về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; về an toàn vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm và địa bàn quản lý; chú trọng tuyên truyền giáo dục cho đội ngũ thuyền viên, người lái phương tiện thủy.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Công tác báo cáo

Định kỳ hàng quý, trước ngày 05 của tháng đầu quý sau, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm báo

cáo kết quả thực hiện quý trước (gồm cả kết quả kiểm tra, xử lý độc lập) về Ban An toàn giao thông tỉnh để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Ban an toàn giao thông tỉnh:

Căn cứ theo Điều 7 Quyết định số 22/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia và Ban An toàn giao thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các quy định pháp luật có liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, lực lượng tham gia phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để thực các hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế phối hợp; tổng hợp kết quả thực hiện, tổ chức sơ, tổng kết theo quy định; đề xuất khen thưởng, kỷ luật.

c) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn về các quy định của pháp luật, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy định của các Bộ, ngành liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông thủy nội địa.

d) Báo cáo khẩn cấp Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia về tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng xảy ra trên địa bàn; phối hợp chỉ đạo công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục, hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông đường thủy nội địa gây ra, chỉ đạo cơ quan chức năng xác định nguyên nhân và đề xuất kịp thời biện pháp ngăn chặn; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (hàng tháng, quý, năm) hoặc đột xuất về tình hình trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa, tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

đ) Ban an toàn giao thông tỉnh là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng cùng nghiên cứu, thống nhất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.